

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012	Lũy kế đến 31 tháng 3 năm 2013	Lũy kế đến 31 tháng 3 năm 2012
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	43,821,937,245	147,254,740,039	43,821,937,245	147,254,740,039
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	4,989,551,415		4,989,551,415	0
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	38,832,385,830	147,254,740,039	38,832,385,830	147,254,740,039
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	22,131,346,883	27,862,364,574	22,131,346,883	27,862,364,574
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16,701,038,947	119,392,375,465	16,701,038,947	119,392,375,465
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	4,901,149,210	11,850,568,365	4,901,149,210	11,850,568,365
22	7. Chi phí tài chính	29	72,806,626,051	80,558,698,610	72,806,626,051	80,558,698,610
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		72,706,741,238	79,756,210,882	72,706,741,238	79,756,210,882
24	8. Chi phí bán hàng		2,927,904,259	1,471,795,074	2,927,904,259	1,471,795,074
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11,169,164,202	30,443,718,896	11,169,164,202	30,443,718,896
30	10. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(65,301,506,355)	18,768,731,250	(65,301,506,355)	18,768,731,250

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012	Lũy kế đến 31 tháng 3 năm 2013	Lũy kế đến 31 tháng 3 năm 2012
31	11. Thu nhập khác	30	10,197,493,719	2,583,303,509	10,197,493,719	2,583,303,509
32	12. Chi phí khác	30	87,007,208	1,001	87,007,208	1,001
40	13. Lợi nhuận khác	30	10,110,486,511	2,583,302,508	10,110,486,511	2,583,302,508
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết		(1,065,014,481)	(9,316,412,324)	(1,065,014,481)	
50	15. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(56,256,034,325)	12,035,621,434	(56,256,034,325)	12,035,621,434
51	16. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hiện hành	31.1	92,346,537	(159,835,976)	92,346,537	(159,835,976)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		1,157,864,178		1,157,864,178	
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(55,190,516,684)	12,195,457,410	(55,190,516,684)	12,195,457,410
61	18.1 Lợi ích cổ đông thiểu số		(2,107,222,619)	(6,410,434,140)	(2,107,222,619)	(6,410,434,140)
62	18.2 Lãi thuộc về các cổ đông công ty mẹ		(53,083,294,065)	18,605,891,550	(53,083,294,065)	18,605,891,550
80	19. Lãi trên cổ phiếu				0	0
	- Lãi cơ bản		(183)	64	(183)	64
	- Lãi suy giảm		(183)	64	(183)	64

Vũ Thanh Diệu
Người lập

Phạm Phúc Hiếu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 5 năm 2013